

VIỆC LÀM PHI CHÍNH THỨC Ở TP.HỒ CHÍ MINH TỪ GÓC NHÌN LỊCH SỬ - VĂN HÓA

NGUYỄN THỊ HẬU*

1. Hoàn cảnh lịch sử

Các loại hình việc làm phi chính thức ở đô thị như Sài Gòn - TP.Hồ Chí Minh là thực tế khách quan tồn tại từ lâu, ngay từ lúc đô thị được hình thành. Nếu so sánh với vùng nông thôn thì khu vực kinh tế phi chính thức ở các đô thị ngày càng phát triển mạnh mẽ và đa dạng do những nhu cầu nội tại của đời sống đô thị. Trong thời kỳ các đô thị trung cổ các ngành kinh tế hầu như không có sự phân biệt giữa “chính thức” và “phi chính thức”, nhưng việc hình thành các đô thị thời cận đại, bắt đầu vào cuối thế kỷ XIX ở Sài Gòn - Bến Nghé, đã đồng thời làm hình thành và tách biệt hai khu vực kinh tế này. Sự thành lập những nhà máy, công sở, cơ sở dịch vụ công như bệnh viện, trường học... ở Sài Gòn thời Pháp thuộc tuy số lượng không nhiều, nhưng cũng đủ để hình thành một tầng lớp xã hội “làm công ăn lương” theo những quy định “hành chính” về giờ giấc và nhiều yếu tố khác. Có thể coi đây là tầng lớp “thị dân” - cư dân sống ở đô thị và làm những nghề nghiệp của đô thị, do đó có lối sống đô thị, có phần khác với những loại hình lao động khác ở thành phố. Khu vực “kinh tế chính thức” này tập trung ở khu trung tâm - quận 1, quận 3 hiện nay. Còn lại các khu vực khác của Sài Gòn, khu vực Chợ Lớn là khu buôn bán dịch vụ, xóm lao động, vùng Gia Định chủ yếu là vùng nông nghiệp, là khu vực kinh tế “phi chính thức”. Đặc điểm này xuyên suốt sự phát triển của đô thị Sài Gòn.

Sài Gòn còn trải qua một thời gian dài thời kỳ chiến tranh. Khác với Hà Nội (*trong chiến tranh những người làm trong thành phần kinh tế chính thức - làm ở khu vực Nhà nước - đều tản cư, sơ tán về nông thôn, hòa bình mới trở về*

* TS. Viện Nghiên cứu phát triển TP.Hồ Chí Minh

thành phố, trong khi đó người làm kinh tế phi chính thức hầu như không bị bắt buộc đi khỏi thành phố), Sài Gòn lại là nơi người dân nhiều vùng nông thôn từ miền Trung đến Nam Bộ đổ vào thành phố. Hầu như không có nghề nghiệp, không có hoặc ít vốn, họ tham gia vào khu vực kinh tế phi chính thức bằng những công việc như buôn bán nhỏ lẻ, hàng rong, dịch vụ, lao động thủ công, chuyên chở bằng xe thô sơ... Địa bàn làm việc của họ, có thể nói khái quát, là “ngoài trời” gồm lòng lề đường, các công trường, chợ búa... Sau ngày giải phóng một bộ phận người dân trở về quê quán, một bộ phận khác đi vùng kinh tế mới, khu vực việc làm phi chính thức thu hẹp. Cấu trúc kinh tế của thành phố chỉ còn “một thành phần”, nên nhiều thành phần kinh tế, nhiều loại hình việc làm “ngoài quốc doanh” trở thành “phi chính thức”. Khi kinh tế nước ta lâm vào thời kỳ khó khăn “trước đổi mới” thì thành phố lại như một “chỗ trũng” có thể dung nạp những dòng người “chảy” vào đây kiếm sống. Khu vực kinh tế phi chính thức lại mở rộng, phong phú đa dạng về loại hình, cách thức hoạt động và ngày càng có đóng góp đáng kể cho sự phát triển kinh tế TP.Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, thời kỳ này khu vực kinh tế này bị coi là “phi chính thức” ngay cả trong luật pháp (qua cụm từ thể hiện quan niệm chính thống “kinh tế một thành phần”), do đó kinh tế phi chính thức buộc phải biến dạng, núp bóng dưới hình thức khác...

Từ những năm gần đây, quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ ở TP.Hồ Chí Minh đã thu hút hàng ngàn người từ các tỉnh thành khác đến lập nghiệp và mưu sinh, nhiều người trong số đó đã tham gia vào các hoạt động kinh tế phi chính thức, trong đó đáng chú ý nhất là hình thức “kinh tế vỉa hè” và lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất. Đã có nhiều công trình khảo sát, nghiên cứu phân tích thành phần dân cư, loại hình việc làm, điều kiện sống... của cư dân thành phố tham gia vào khu vực kinh tế phi chính thức. Tỷ lệ đóng góp đáng kể vào thu nhập quốc gia của người lao động trong các khu vực kinh tế phi chính thức cho thấy nền kinh tế này đã thực hiện được chức năng thiết yếu là tạo ra việc làm và tăng phúc lợi cho cả nhà sản xuất lẫn người tiêu dùng. Khu vực này sử dụng nguồn lực vốn cố định một cách hiệu quả thông qua việc kết hợp nguồn vốn thấp với số lượng lao động đông. Đồng thời, tiết kiệm nhu cầu vốn lưu động bằng cách chia khâu sản xuất và tiêu thụ hàng hóa thành những quy mô nhỏ, dễ quản lý. Mặt khác, đối với những người nghèo, dân nhập cư, không bằng cấp, hộ khẩu, tay nghề thấp... thì việc được chấp nhận vào làm trong các doanh nghiệp phi chính thức là bước khởi đầu khả thi nhất để họ có thể tạo thu nhập, học tập, nâng cao tay nghề. Tuy nhiên, về lý thuyết và mục đích là vậy, nhưng trên thực tế không nhiều doanh nghiệp chú ý đến việc đào tạo tay nghề một cách có hệ thống cho người lao động, bởi họ đặt nặng yếu tố lợi nhuận trước mắt chứ không vì lợi ích lâu dài của bản thân và xã hội. Điều này làm cho việc thực hiện mục đích “phát triển bền vững” của kinh tế - xã hội càng khó khăn.

Hiện nay vẫn còn những quan niệm chưa đúng về lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức, dù thu nhập giàu có hay thu nhập thấp. Sự đánh giá của nhiều "người thành phố" đối với "dân nhập cư, dân hàng rong, trẻ đường phố" vẫn có phần xem thường, thương hại, thậm chí còn bị coi là nguyên nhân chính làm cho thành phố chưa có nếp sống "văn minh đô thị". Đối tượng này còn chưa được quan tâm đúng mức cả về mặt pháp lý lẫn tâm lý. Mặt khác, tâm lý xã hội nói chung còn có nhìn nhận chưa công bằng với thành phần kinh tế phi chính thức, nhưng thu nhập giàu có vì định kiến cho rằng đó là "thu nhập không chính đáng".

2. Đặc điểm xã hội

Lao động khu vực kinh tế phi chính thức ở TP.Hồ Chí Minh về cơ bản có thể chia làm 2 loại hình:

1) Lao động làm việc trong các công ty, doanh nghiệp, những cơ sở sản xuất... nói chung có thu nhập từ mức tương đối ổn định đến khá giả, giàu có. Như đã nói ở trên, loại hình kinh tế phi chính thức này có "truyền thống" lâu đời, tồn tại và phát triển liên tục ở Sài Gòn - TP.Hồ Chí Minh, từ thời Pháp thuộc đến năm 1975.

2) Lao động tự do "kinh tế vỉa hè, kinh tế lòng lề đường", hoặc công nhân trong các khu công nghiệp, khu chế xuất (KCN, KCX)... có thu nhập bấp bênh hoặc thu nhập thấp và không ổn định. Trong số này còn có một số ít hơn là những người về hưu, nhân viên cơ quan nhà nước, sinh viên... cũng tham gia vào khu vực việc làm phi chính thức, nhưng mang tính thời vụ hay "ngoài giờ". Có thể nhận biết một số đặc điểm xã hội của loại hình lao động này:

- Nguồn gốc phần lớn là từ nông thôn mới lên, hoặc sống ở thành phố chưa lâu. Trước đây thường được gọi chung là "dân nghèo thành thị", hiện nay dùng khái niệm mới "nghèo đô thị". Một số lượng đáng kể sống "độc thân" do chưa lập gia đình hoặc không có gia đình (chồng/vợ/con...) ở cùng. Điều kiện sống rất khó khăn, thiếu thốn về vật chất và hầu như không có điều kiện tham gia những sinh hoạt văn hóa tinh thần. Tại các KCN, KCX có tình trạng thanh niên nam nữ "sống thử", thậm chí đã xuất hiện những hiện tượng xã hội không lành mạnh khác. Địa bàn cư trú của loại hình lao động này thường ở các huyện ngoại thành, quận vùng ven, hay trong một số khu vực của các quận nội thành.

- Không có nghề nghiệp "được đào tạo" và không có điều kiện tiếp cận cơ hội đào tạo nghề nghiệp, ngay cả trong các KCN, KCX cũng vậy. Trình độ học vấn thường không cao, thậm chí vẫn còn hiện tượng mù chữ và tình trạng tái mù phổ biến. Vì vậy sự hiểu biết về pháp luật còn rất nhiều hạn chế. Phần lớn lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức đều phải chấp nhận điều kiện làm việc kém, thu nhập thấp, không được hưởng quyền, nghĩa vụ lao động, quỹ phúc lợi xã hội, dịch vụ công ích... cũng như không có cơ hội để thăng tiến, tiếp cận với các nguồn lực tín dụng, khoa học kỹ thuật.

- Số lượng phụ nữ tham gia vào khu vực kinh tế này khá lớn, từ “buôn gánh bán bưng” đến công nhân KCN - KCX, từ giúp việc nhà đến giúp việc trong quán xá, làm thợ hồ, thậm chí làm xe ôm... Họ có một trách nhiệm mang tính “thiên chức”, đó là luôn hy sinh, chịu thiệt thòi vì gia đình. Tình trạng bóc lột, sức lao động đối với phụ nữ, trẻ em khá phổ biến, thậm chí còn có hiện tượng lạm dụng tình dục. Các hoạt động tương trợ về xã hội, pháp lý cũng chưa tiếp cận sát với những đối tượng này.

- Nền kinh tế chủ yếu của Việt Nam nói chung và đồng bằng sông Cửu Long nói riêng là nông nghiệp. Với đặc trưng cơ bản của cơ cấu thời gian mang tính thời vụ, vì vậy thời gian “nông nhàn” cũng là thời gian người nông dân tận dụng để kiếm thêm thu nhập từ hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, lên thành phố kiếm việc làm thêm là khá phổ biến.

Như vậy, có nhiều xuất phát điểm khác nhau để người lao động tham gia vào khu vực kinh tế phi chính thức. Thực tế ở các thành phố lớn như TP.Hồ Chí Minh cho thấy những hạn chế về năng lực, kiến thức và vật chất là nguyên nhân làm cho người lao động tham gia vào loại hình kinh tế này. Từ điểm xuất phát của sự nghèo đói, thất học, người lao động lại tiếp tục gia nhập vào một thị trường lao động mà cơ hội để học hỏi, hòa nhập với sự phát triển xã hội dường như không có. Song song với nó là một mức thu nhập thấp, rủi ro tai nạn lao động và khả năng không được đền bù rất cao... Vì nghèo, nên nhiều người phải tham gia khu vực kinh tế phi chính thức và sau một thời gian làm việc ở đó, chưa chắc gì họ thoát khỏi kiếp nghèo! Cứ thế, như một vòng luẩn quẩn, người lao động khu vực kinh tế phi chính thức đối mặt với hết rủi ro này đến thiệt thòi khác. Vậy phải giải quyết từ đâu trong cái vòng luẩn quẩn này?

Cũng như cả nước, TP.Hồ Chí Minh đã có khá nhiều hoạt động, tổ chức tương trợ đối với người lao động tự do, trẻ em đường phố, dân di cư. Thế nhưng, quy mô và hiệu quả của những tổ chức này vẫn chưa thật sự tiếp cận sâu sát, kịp thời đến với từng đối tượng, và quan trọng hơn là chưa lôi kéo họ tự nguyện tham gia các hoạt động tương trợ. Phần lớn người lao động phi chính thức chưa biết cách khai thác sự hỗ trợ của các tổ chức này, mà vẫn thụ động, tự bảo vệ mình một cách kém hiệu quả. Với những đóng góp của lao động phi chính thức đối với xã hội và nền kinh tế hiện nay, việc thừa nhận vị trí, vai trò xã hội và tạo điều kiện cho họ thụ hưởng các dịch vụ công ích là điều không thể phủ nhận.

3. Sự chuyển đổi các hình thức việc làm chính thức và phi chính thức

TP.Hồ Chí Minh đang cùng cả nước tích cực hội nhập với kinh tế thế giới (Việt Nam mới trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới WTO từ cuối năm 2007), người lao động đứng trước nhiều cơ hội cũng như nhiều rủi ro. Trong quá trình này người lao động chịu những ảnh hưởng, những tác động với nét đặc thù quan trọng nhất là sự chuyển dịch lực lượng lao động

giữa hai khu vực kinh tế/việc làm chính thức và phi chính thức từ những nguyên nhân sau:

- Là một nền kinh tế chuyển đổi, lao động trong khu vực kinh tế nhà nước trong một thời gian dài là lực lượng chủ đạo của nền kinh tế. Cũng vì vậy, một bộ phận của khu vực kinh tế này đã quá quen với những cách nghĩ, cách làm kiểu bao cấp, họ quen và luôn mong muốn được hưởng “bầu sữa mẹ” Nhà nước. Đến nay, dưới tác động của hội nhập, “cuộc chơi” mới với những luật và lệ mới của quốc tế đối với một bộ phận khu vực này quá mới mẻ và dường như không thể hấp thụ nổi. Làm gì và làm như thế nào đối với họ luôn là những câu hỏi buộc họ phải tìm ra câu trả lời để có thể thích ứng được. Và nếu không thích ứng được hay thích ứng kém thì hậu quả là người lao động bị thất nghiệp hoặc phải rời bỏ môi trường làm việc này để gia nhập vào khu vực việc làm phi chính thức.

- Người lao động trong khu vực kinh tế ngoài nhà nước, đặc biệt là kinh tế tư nhân đã có thời gian từng được coi là “lao động hạng hai”. Vì vậy, trong hoạt động nghề nghiệp, trong ứng xử, một số người trong số họ vẫn chưa thoát ra được tư duy “ăn xổi ở thì”, làm ăn theo kiểu cò con hoặc tư tưởng “đánh nhanh, thắng nhanh”. Những kiểu làm ăn như thế này không thể đứng vững được trước làn sóng đầu tư mới, không thể đứng vững được trước sự “tấn công” của các doanh nghiệp nước ngoài với những cách kinh doanh bài bản. Theo dự đoán của các chuyên gia kinh tế và trên thực tế, không ít doanh nghiệp làm ăn theo kiểu này bị phá sản, bị “biến mất” trong danh sách các doanh nghiệp của Nhà nước.

- Làn sóng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam sẽ kích thích các hoạt động kinh doanh trong nước. Nhiều doanh nghiệp, nhiều khu công nghiệp mới mọc lên. Kéo theo đó là một bộ phận dân cư nông thôn bị mất đất; một bộ phận khác sẽ thu hút vào làm việc trong các khu công nghiệp, khu đô thị. Tuy nhiên, cuộc di chuyển này không phải ai cũng thành công, nhiều người sẽ lâm vào cảnh tay trắng khi tay nghề, chuyên môn kỹ thuật không có, chỉ làm những công việc giản đơn trong doanh nghiệp. Những người này luôn là những người có nguy cơ cao nhất bị sa thải, bị đưa ra khỏi dây chuyền sản xuất. Khi đó họ quay về quê hương cũng không được bởi không còn ruộng vườn, ở lại thành phố, đô thị cũng không xong vì không có công ăn việc làm, không có chỗ ở...

- Dù là kinh tế thị trường, dù là mong muốn trở thành một nước công nghiệp, nhưng hiện tại và trong tương lai gần, về cơ bản, nước ta vẫn là một nước nông nghiệp với đa số người lao động làm nông nghiệp và sinh sống ở nông thôn; gắn cả cuộc đời với nông thôn. Trước sức ép của hội nhập, người lao động nông thôn buộc phải thay đổi cách nghĩ, thay đổi cách làm. Nền kinh tế nông nghiệp thị trường là xu hướng tất yếu khách quan và do đó mọi sản phẩm từ nông nghiệp cũng bị ảnh hưởng của thị trường (cả trong và ngoài

nước). Cũng vì thế, bên cạnh những ảnh hưởng tích cực, những tác động tiêu cực sẽ làm cho người lao động nông thôn sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Những ví dụ rất điển hình vì sự không hiểu biết luật chơi quốc tế, không nắm được thông tin thị trường thế giới đã dẫn đến có những năm chúng ta không tiêu thụ được hạt cà phê, hạt điều hoặc không xuất khẩu được thủy sản, nông sản... Nói cách khác, người lao động nông thôn hiện nay và trong tương lai luôn phải đối mặt với những rủi ro từ thậm chí ở tận bên kia bán cầu mang đến chứ không chỉ trong lũy tre làng, trong "ao nhà" như trước nữa. Những rủi ro này làm cho lao động nông thôn và gia đình họ bị ảnh hưởng rất nhiều, và cũng có những người bị nghèo đói hoặc tái nghèo đói.

Khi đó, người lao động ở các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh, người nông dân sẽ rơi vào tình trạng khó khăn, khốn đốn; không ít người sẽ rơi vào tình trạng nghèo đói. Tất nhiên, hệ thống an sinh xã hội vẫn có những hỗ trợ tích cực nhất cho người lao động trong những lúc như vậy nhằm thực hiện thay thế hoặc bù đắp thu nhập cho người lao động khi họ gặp các "rủi ro xã hội". Tuy nhiên, một bộ phận trong số những người lao động này sẽ tham gia vào khu vực việc làm phi chính thức với loại hình "kinh tế vỉa hè, lòng lề đường" tại các đô thị. Xu hướng chuyển đổi ngược lại từ khu vực việc làm phi chính thức sang khu vực chính thức vẫn diễn ra, nhưng khá chậm và không ổn định, vì như đã nói trên, những yếu tố để "phát triển bền vững" trong đó có việc đào tạo phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn chưa được quan tâm thực sự.

4. Việc làm phi chính thức và văn hóa đô thị

TP.Hồ Chí Minh phát triển từ đô thị Sài Gòn - Bến Nghé lớn dần lên, nối kết với các trung tâm khác là Chợ Lớn và Gia Định. Tốc độ đô thị hóa của Sài Gòn - TP Hồ Chí Minh trong giai đoạn lịch sử nào cũng rất nhanh, tuy nhiên phải nhìn nhận rằng hiện nay quy hoạch của Nhà nước không theo kịp tốc độ phát triển của thành phố, việc xây dựng tự phát do người dân chưa có ý thức cao trong việc tuân thủ quy hoạch của Nhà nước, sự tùy tiện phát triển các khu dân cư trú xen lẫn thương mại, khu sản xuất... là rất rõ. Có thể dùng cụm từ "làng trong phố" để hình dung về tính chất văn hóa nhiều khu đô thị mới. Đây chính là địa bàn thuận tiện cho việc làm phi chính thức phát triển: từ việc buôn bán trong những chợ "chồm hồm" "chợ đuôi"... đến một nền "kinh tế vỉa hè": buôn bán cố định/ di động, sản xuất, dịch vụ... Do cơ chế quản lý chưa phù hợp, "kinh tế vỉa hè" cũng "góp phần" làm nhếch nhác khu vực trung tâm thành phố.

Việc sử dụng vỉa hè, lòng lề đường để kinh doanh, buôn bán, thậm chí sản xuất, làm các dịch vụ như giữ xe... còn xuất phát từ chính nhận thức của người dân. Nhiều người dân thành phố đã quan niệm vỉa hè, lòng lề đường thuộc sở hữu của chủ nhà có mặt tiền đường. Theo kết quả khảo sát 400 người

dân về *quyền sử dụng vỉa hè* ở TP.Hồ Chí Minh, có tới 52,8% số người được hỏi cho rằng vỉa hè thuộc quyền của chủ nhà có mặt tiền đường¹. Và để có một chỗ buôn bán nhỏ lẻ ở vỉa hè trước mặt nhà không phải của mình đều phải được sự cho phép của chủ nhà và phải đóng một khoản tiền “thuê chỗ” hàng tháng. Những năm gần đây, thành phố có chủ trương phát triển nhiều trung tâm để phân tán mức độ tập trung; cấp quận, chưa đủ sức hình thành các khu mua bán lớn, nên lại bị phân tán theo các trục đường và các lề đường. Quy hoạch khu hành chính, trường học, chợ, cửa hàng... không theo khu vực mà phân tán theo mặt tiền đường, cho nên làm việc gì người dân cũng phải “xuống đường”. Thực tế, loại hình kinh tế phi chính thức phổ biến nhất ở TP.Hồ Chí Minh là kinh tế buôn bán trên vỉa hè từ nhiều năm qua đã nhanh chóng đáp ứng nhu cầu mua - bán nhanh, tiện lợi với các loại hàng hóa giá rẻ. Đây cũng là điều kiện thuận lợi để các hoạt động kinh tế vỉa hè có điều kiện nảy sinh và tồn tại. Cùng với đó “Văn hóa mặt Tiền” trở thành “đặc trưng” mới của đô thị Việt Nam, từ thành phố lớn đến thị trấn hẻo lánh. Thói quen này dẫn đến nhiều hệ lụy: *Thứ nhất*, quy hoạch kiến trúc mặt tiền các con đường trở nên khó khăn, thậm chí kiến trúc xấu, không đồng bộ dù tốn kém rất nhiều kinh phí để xây dựng hay cải tạo đường xá; *Thứ hai*, trên những đường cao tốc lại không thể có tốc độ cao vì rất nguy hiểm khi dân cư trú ngay hai bên đường, làm giảm hiệu quả xây dựng; *Thứ ba*, buôn bán vỉa hè, lòng đường, mặt tiền đường phổ biến người sử dụng phương tiện giao thông cá nhân có mối quan hệ mật thiết của “cung và cầu”, xe cá nhân phát triển thì còn nhu cầu mua bán vỉa hè lòng đường. Tình trạng tắc đường kẹt xe lại có thêm một nguyên nhân. Các nhà quản lý và điều phối giao thông thấy được điều này, nhưng khó mà giải quyết.

Ở các thành phố như Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, nếu phương tiện giao thông công cộng phát triển, tiện lợi, phù hợp nhu cầu, tạo điều kiện cho người dân có thói quen sử dụng xe công cộng thay vì xe cá nhân, nhu cầu “mua bán nhanh tiện lợi” sẽ chuyển đến các đầu mối giao thông như bến tàu xe, trạm xe bus, ga xe điện ngầm, bãi giữ xe hơi... Có nghĩa là những trung tâm mua bán, dịch vụ... sẽ được thiết lập ở đó. Tuy nhiên, trong khi chờ đợi có được những yếu tố giao thông mang tính chất “giao thông đô thị”, bằng cách nào hạn chế mặt tiêu cực của “kinh tế vỉa hè” đến nếp sống văn minh đô thị? Nên chăng cần tổ chức những con đường, khu vực theo ô phố - đặc thù quy hoạch đô thị, để duy trì và phát triển kinh tế vỉa hè, vừa giải quyết nhu cầu sinh sống của người bán, người mua, vừa đảm bảo mỹ quan và trật tự đô thị, vừa bảo tồn được nét độc đáo, cần thiết giữ gìn và có thể khai thác nó như một di sản văn hóa phi vật thể. “Văn minh đô thị” sẽ có bộ mặt mới. Mặt khác cũng cần thấy rằng, những loại hình dịch vụ và buôn bán nhỏ phù hợp với tập quán tiêu dùng, tiện ích, khả năng chi trả... của phần lớn người dân thành phố. Hơn nữa, nó còn được xem giải pháp mưu sinh hữu hiệu của rất nhiều hộ dân nghèo, thu nhập thấp, vì vậy cần tổ chức và tăng cường mạng lưới cửa hàng nhỏ lẻ trong các khu vực tập

trung dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất... nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân.

Cũng vậy, trong một chừng mực nào đó, việc hạn chế và loại bỏ các loại xe thô sơ 3, 4 bánh – phương tiện mưu sinh của hàng ngàn hộ gia đình, cũng cần có tính toán thấu đáo để không đẩy người dân vào chỗ khó khăn.

Một khu vực việc làm phi chính thức nữa ở TP Hồ Chí Minh có đông người lao động là tại các KCN, KCX. Tại đây, người lao động hầu hết là thanh niên từ các vùng nông thôn, trình độ học vấn không cao, nên tham gia làm việc với tính chất lao động giản đơn. Do đó thu nhập thấp, bấp bênh, dễ mất việc, cũng dễ thay đổi công việc, cuộc sống không ổn định... Nếu các KCN, KCX không tổ chức đào tạo nghề cho công nhân, thì tình trạng này sẽ diễn ra lâu dài, khu vực “việc làm không chính thức” này sẽ không thu hẹp, mà có nguy cơ ngày càng phát triển, vì các nhà đầu tư chỉ quan tâm đến “nhân công giá rẻ” - tức là nhân công lao động giản đơn không có tay nghề.

TP.Hồ Chí Minh và nhiều thành phố, đô thị khác trong cả nước đang xây dựng những thành phố văn minh hiện đại. Không thể không bắt đầu từ yếu tố kinh tế: các ngành nghề của dân cư, loại hình kinh tế cần được phát triển cân đối, đảm bảo quyền lợi của nhân dân, nhưng cũng đảm bảo sự phát triển bền vững của thành phố. Trong việc này vai trò quản lý và điều phối của Nhà nước là chủ đạo, không thể trông chờ người dân tự giải quyết mà chỉ có thể kêu gọi ý thức chấp hành luật pháp và ý thức cộng đồng. Là một đặc trưng của các đô thị Việt Nam, việc làm - kinh tế phi chính thức cần được nhìn nhận xem xét ở một góc độ lịch sử - văn hóa sâu rộng hơn, ngoài góc độ kinh tế, để có thể sẽ mang lại những giải pháp hữu hiệu tích cực cho vấn đề này.